

Bản án số: 96/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19/11/2018

“*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dích và bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 480/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXX-ST ngày 17/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H1** – sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu Y, Đ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Hiện ở: Tổ 18, khu 2A, phường Cao Thắng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Tiến H2** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu Y, Đ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Hiện ở: Tổ 18, khu A, phường C, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh,

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/6/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến H2 đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2005 tại UBND phường Đ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 4 đến 5 năm, chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ít quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi vã, không cùng chung quan điểm sống. Từ tháng 5/2018 cho đến nay vợ chồng chị sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa

chị và anh H2 là không còn, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại, chị và anh H2 không thể đoàn tụ được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con là: Phạm Thái S- sinh ngày 24/12/2005 và Phạm Thái D- sinh ngày 23/8/2012.

Tại đơn khởi kiện chị đề nghị giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đồng/tháng.

Tại bản tự khai đề ngày 25/7/2018, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Phạm Thái S cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu tròn 18 tuổi; Giao cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Thái D đến khi con tròn 18 tuổi. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh chị có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, anh chị không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên toà hôm nay chị H1 giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Về con chung: chị H1 trình bày hiện nay anh H2 đang rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế, không có khả năng về kinh tế để nuôi con, hiện nay cả hai con chung của anh chị đang sống với chị, anh H2 không quan tâm chăm sóc các con. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con tròn mười tám tuổi. Nếu sau này, quá trình anh H2 làm ăn được và có khả năng để nuôi con thì chị nhất trí giao một con (Con Phạm Thái D) cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*/ Bị đơn anh Phạm Tiến H2 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị H1 trình bày. Trước khi kết hôn anh chị chưa ai có vợ có chồng. Từ sau khi kết hôn đến nay, cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh H2 thấy những rạn nứt về tình cảm là không thể hàn gắn được. Đến nay chị H1 có đơn xin ly hôn với anh, anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai người con chung như chị H1 đã trình bày, nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con Phạm Thái S cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Thái D đến khi con tròn 18 tuổi. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia, anh chị không vay nợ chung cá nhân hay tổ chức nào, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên toà hôm nay anh H2 vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh H2, chị H1 đã chung sống (khu Y, phường Đ, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) thì đại diện ông Nguyễn Đức H- Khu trưởng khu Y xác nhận: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Phạm Tiến H2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu Y, phường Đ, TP. Hạ Long và có đăng ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống anh chị đã sinh thành ra 02 người con chung, cháu lớn sinh năm 2005 và cháu nhỏ sinh năm 2012, được biết anh chị H2 H1 sống không hạnh phúc, năm 2017 chị H1 đã có lần viết đơn xin ly anh H2 hôn (Đơn thuận tình ly hôn) đề nghị địa phương xác nhận, sau đó anh chị lại về chung sống với nhau. Trong thời gian chung sống, anh chị có

những bất đồng nhưng không bộc lộ ra bên ngoài, nên khu phố không nắm bắt được chính xác nguyên nhân, chúng tôi đã khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Nay chị H1 lại có đơn xin ly hôn anh H2, khu phố có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, khi Tòa án triệu tập hòa giải lần 2 về các vấn đề trong vụ án, anh H2 không hợp tác, không đến Tòa án làm việc và không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa. Tuy nhiên Tòa án đã làm đúng thủ tục tố tụng dân sự về việc giao các văn bản tố tụng cho anh H2. Tại phiên tòa ngày 05/11/2018 anh H2 vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh H2 cũng vắng mặt không có lý do, xét thấy việc giao văn bản tố tụng của Tòa án được giao nhận hợp lệ cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến tham dự phiên tòa. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H1 và anh Phạm Tiến H2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2005 tại UBND phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 05 năm, chưa ai có vợ, có chồng.

Tại phiên tòa, chị H1 khẳng định tình cảm giữa chị và anh H2 thực sự không thể hàn gắn được, hai bên đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử đã phân tích để hai vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị H1 vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh H2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H1 và anh H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì mâu thuẫn đã xảy ra, nguyên nhân do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 5 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu

cầu xin ly hôn của chị H1 là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị H1 và anh H2 có hai con chung là Phạm Thái Sơn - sinh ngày 24/12/2005 và Phạm Thái Dũng – sinh ngày 23/8/2012. Quá trình từ khi chị H1 có đơn khởi kiện Chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con chung Phạm Thái S và Phạm Thái D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H2 có quan điểm muốn được nuôi dưỡng con chung Phạm Thái Dũng, chị H1 trực tiếp nuôi con Phạm Thái Sơn đến khi các con tròn mười tám tuổi.

Quá trình khai nhận tại Tòa án, cháu Phạm Thái Sơn có quan điểm muốn được sống cùng với mẹ, nếu bố ly hôn.

Chị H1 cho rằng anh H2 hiện nay đang rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế, không có khả năng để nuôi con. Chị H1 hiện đang làm kế toán cho Công ty TNHH biểu diễn nghệ thuật Cảnh Dương mức lương từ 12 triệu đến 15 triệu đồng một tháng đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cả hai con chung. Hiện nay cả hai con chung đều đang sống cùng với chị, anh H2 không cấp dưỡng nuôi con cùng chị, cũng không quan tâm chăm sóc các cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình hòa giải về vấn đề con chung, bị đơn không đến Tòa án để tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không đến tham dự phiên tòa nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh về thu nhập, trong khi đó chị H1 cung cấp đầy đủ xác nhận thu nhập cho Tòa án, do vậy không có cơ sở để giao con chung cho anh H2 nuôi dưỡng được. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển bình thường của các cháu, cần giao cả hai con chung cho chị H1 nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị chia tài sản chung, không vay nợ chung cá nhân hay tổ chức nào, không ai đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị H1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Phạm Tiến H2.

2/ Về nuôi con chung: Giao cả hai cháu Phạm Thái S- sinh ngày 24/12/2005 và cháu Phạm Thái D- sinh ngày 23/8/2012 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu tròn mười tám tuổi. Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (Chị H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001285 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long).

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA dân sự TP. Hạ Long;
- UBND phường Đ, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Định